

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 112/2026/HS-PT
Ngày: 28 - 4 - 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung.

Các Thẩm phán: Ông Bùi Quốc Hà, bà Nguyễn Thị Thu Trang

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Văn Nam - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Ông Biện Tân Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 72/2026/TLPT-HS ngày 16/3/2026, đối với bị cáo Nguyễn Tấn T, về tội “Đe dọa giết người”, do có kháng cáo của bị cáo, bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2026/HS-ST ngày 28/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 14 - Đắk Lắk.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Tấn T**, sinh ngày 01/9/1982, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: thôn L, xã Đ, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Bảo vệ; trình độ học vấn: 5/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tấn L và bà Nguyễn Thị N (đều chết); vợ là bà Bùi B (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2007; tiền án: không.

Tiền sự: 01 tiền sự. Ngày 10/12/2024 bị Công an thành phố T, tỉnh Phú Yên xử phạt vi phạm hành chính về hành vi cố ý gây thương tích, hình thức phạt tiền 5.000.000 đồng. Sau khi xảy ra sự việc bị cáo đe dọa giết người ngày 05/7/2025 thì đến ngày 15/7/2025 bị cáo mới nộp xong tiền phạt.

Nhân thân: 01 nhân thân. Ngày 29/01/2016 bị Công an huyện Đ, tỉnh Phú Yên xử phạt vi phạm hành chính về hành vi gây rối trật tự công cộng, hình thức phạt tiền 4.000.000 đồng. Bị cáo đã nộp phạt xong ngày 01/3/2016.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú”. Hiện bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại có kháng cáo:** Bà Bùi B, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn L, xã Đ, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Tấn T và Bùi B trước đây là vợ chồng, nhưng đã ly hôn theo quyết định của Tòa án, hiện vẫn chung sống cùng nhà tại thôn L, xã Đ, tỉnh Đắk Lắk. Khoảng 05 giờ sáng ngày 05/7/2025 bị cáo T đi từ phường T về nhà gặp bà B nói chuyện hàn gắn tình cảm nhưng bà B không đồng ý mà bỏ đi khỏi nhà. T mua 20.000 đồng xăng A92, đổ vào chai nhựa, mang về nhà, đổ 1 nửa vào xe mô tô, phần xăng còn lại cất giấu trong phòng ngủ. Khoảng 12 giờ cùng ngày, bà B về nhà, T gọi bà B vào phòng ngủ và bấm khoá cửa. T nói chuyện níu kéo tình cảm nhưng bà B không đồng ý. T lấy chai xăng đổ xăng lên người T và người bà B. T lấy bật lửa trong túi quần ra và đe dọa đốt chết bà B. Chị Ngọc C của bị cáo và bà B chạy vào lấy chai xăng T đang cầm và gỡ lấy chiếc bật lửa nhưng không được. Sau đó T tự đưa chiếc bật lửa cho chị N1, còn bà B chạy ra khỏi phòng và đến Công an trình báo sự việc.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2026/HSST ngày 28/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 14 - Đắk Lắk quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tấn T phạm tội “Đe dọa giết người”.

Áp dụng khoản 1 Điều 133; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn T 06 (sáu) tháng tù.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/02/2026 bị cáo và bị hại cùng kháng cáo xin giảm hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Tấn T và bị hại Bùi Bôi G nguyên nội dung kháng cáo. Bị cáo, bị hại đã khai nhận toàn bộ hành vi mà bị cáo đã thực hiện đúng như vụ án đã được tóm tắt nêu trên.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và khẳng định bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Tấn T về tội “Đe dọa giết người”, là có căn cứ và đúng người, đúng tội. Về mức hình phạt 06 tháng tù mà bản án sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là thỏa đáng, tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, nên kháng cáo của bị cáo, bị hại xin giảm hình phạt cho bị cáo là không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt. Áp dụng khoản 1 Điều 133; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn T 06 tháng tù.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã

có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo Nguyễn Tấn T, bị hại Bùi B không tranh luận, bào chữa gì mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo Nguyễn Tấn T tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 12 giờ ngày 05/7/2025 tại nhà của bị cáo và bị hại thuộc thôn L, xã Đ, tỉnh Đắk Lắk, bị cáo Nguyễn Tấn T đã dùng xăng đổ lên người, dùng bật lửa đe dọa sẽ đốt cháy để giết bà B. Do đó, bản án sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Tấn T về tội “Đe dọa giết người” theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Tấn T và bị hại Bùi B, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã đe dọa, trực tiếp xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của bị hại, ảnh hưởng đến trật tự, trị an tại địa phương. Bị cáo có nhân thân xấu, nhiều lần bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi cố ý gây thương tích, gây rối trật tự công cộng nhưng bị cáo không rút ra bài học kinh nghiệm, nay lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội đe dọa giết bà B, người trước đây từng là vợ của bị cáo. Mức hình phạt 06 tháng tù đối với bị cáo là thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Sau khi kháng cáo, bị cáo, bị hại không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo, bị hại.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên bị cáo Nguyễn Tấn T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Tấn T và bị hại Bùi B; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2026/HSST ngày 28/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 14 - Đắk Lắk về hình phạt.

[2] Áp dụng khoản 1 Điều 133; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn T 06 (sáu) tháng tù về tội “Đe dọa giết người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Tấn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- TAND khu vực 14 - Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 14 - Đắk Lắk;
- CQCSĐT khu vực 14 - Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 14 - Đắk Lắk;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Nhung